

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
TRUNG TÂM Y TẾ PHÙ CÁT

Số: /TTYT-KDTTBVYT
V/v mời báo giá vật tư, dụng cụ, hoá
chất, sinh phẩm y tế năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phù Cát, ngày tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật đấu thầu ban hành ngày 23/06/2023;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Trung tâm Y tế Phù Cát có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Phù Cát năm 2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Phù Cát.

Địa chỉ: Số 12, Đường 3/2, xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai.

2. Thông tin nơi tiếp nhận báo giá:

Trung tâm Y tế Phù Cát, Email: ttytphucatgialai@gmail.com, điện thoại/
Fax: 02563750616.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) tại địa chỉ: Phòng Văn thư - Trung tâm Y tế Phù Cát, Địa chỉ: Số 12, Đường 3/2, xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai và gửi trước qua email: ttytphucatgialai@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 11 giờ 00 phút ngày 09 tháng 4 năm 2026 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 20 tháng 4 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 20/4/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa (Phụ lục 01 đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp:

- Trung tâm Y tế Phù Cát, Địa chỉ: Số 12, Đường 3/2, xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai.

* Giá hàng hoá đã bao gồm chi phí vận chuyển, cung cấp, thuế VAT và các chi phí khác...

Trung tâm Y tế Phù Cát rất mong nhận được bảng báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam (*theo mẫu tại Phụ lục 02 đính kèm*).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TTYT;
- Trang TTĐT TTYT;
- Lưu: VT, KDTTBVTYT.

GIÁM ĐỐC

Trần Thúc Khả

Phụ lục 02: Mẫu báo giá

(Kèm theo Công văn số / TTYT-KDTTBVTYT, ngày / /2026 của TTYT
Phù Cát)

Tên Công ty:.....

Địa chỉ:.....

Số ĐT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

BÁO GIÁ VẬT TƯ Y TẾ

Kính gửi: Trung tâm Y tế Phù Cát

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế Phù Cát, chúng tôi
..... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] báo giá các mặt
hàng như sau:

1. Báo giá các vật tư, dụng cụ, hoá chất, sinh phẩm y tế:

STT	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Yêu cầu kỹ thuật/Đóng gói	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Mã HS	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hoá).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngàytháng
..... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngàytháng... năm 2026

**Đại diện hợp pháp của hãng sản
xuất, nhà cung cấp**
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 01**DANH MỤC HÀNG HOÁ***(Kèm theo Công văn số /TTYT-KDTTBVTYT ngày /4/2026 của TTYT Phù Cát)*

STT	Tên hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	20
2	Ống thông dạ dày	*số: 10,12,14. Có nắp * Chất liệu: Nhựa dùng trong y tế * Dây không quá cứng hoặc quá mềm, có chia vạch. * Tương thích với Bơm tiêm và nguồn hút kích thước nhỏ.	Cái	100
3	Nệm da	Kích thước: Dài 190cm; Rộng: 90cm; Độ dày \geq 5cm.	Cái	130
4	Nệm hơi	Kích thước: 1m x 2m	Cái	5
5	Lọ đựng sinh phẩm (nước tiểu)	Lọ nhựa có nắp đậy, có nhãn ghi tên, 30ml	Cái	5.000
6	Bảng thị lực ZS	Bảng thị lực đo 5m, có đèn Led	Cái	1
7	Nẹp chống xoay dài	Chất liệu vải sợi bông, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Khóa bằng dính nhám, nẹp hợp kim nhôm. Các cỡ (size): 1,2,3. Bì /1 cái	Cái	50
8	Lentulo trám bít ống tủy	Bằng thép không gỉ đàn hồi cao mềm dẻo linh hoạt, chịu nhiệt để hấp tái sử dụng. Chiều dài 21mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE hoặc tương đương.	Cây	20
9	Trâm gai lấy tủy	*Chất liệu thép không gỉ *Chiều dài 21-29 mm, độ thuận 0.2, độ thuận và màu sắc theo mm.	Cây	60
10	Mũi khoan kim cương	Hình tròn, hình trụ thuận Các cỡ (BR- S46; BR-40, TR-S13, TR-24, TR-26, TR-11). *Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE hoặc tương đương.	Cái	40
11	Dụng cụ giữ khuôn trám	*Chất liệu thép không gỉ * Dùng trong nha khoa, giữ đai trám kim loại khi trám.	Cái	2
12	Chất diệt tủy	Thành phần: Anhydrit arsenic Cocain hydroclorid, Phenol. Gói 1 Lọ.	Lọ	2
13	Chất hàn, trám răng	Vật liệu trám có cân quang glass ionomer chứa strontium độ cứng cao dành cho răng. Hộp \geq 15g.	Lọ	2
14	Oxide kẽm	Bì (Hộp) 100g - 110g; Zinc oxide-Oxit kẽm nguyên chất.	Bì	2
15	Eugenol	*Thành phần Eugenol tinh khiết * Lọ 30ml	Lọ	2
16	Dầu xịt tay khoan	Dầu bảo dưỡng tay khoan sử dụng trong nha khoa, Hộp 01 lọ	Chai	1
17	Bóng đèn chiếu tia cực tím	Dài 1200 mm, Công suất 30W	Cái	4

STT	Tên hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18	Procalcitonin (CLIA)	Hóa chất xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm - Dải báo cáo: 0.02-100 ng/mL - Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ bằng kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT trong đệm TRIS có chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.	Test	1.000
19	PCT Calibrators	* Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT) * Thành phần: PCT trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ Hộp: C0:1x1.2 mL C1:1x1.0 mL C2:1x1.0 mL; Hộp: 03 Lọ	Lọ	3
20	PCT Control (L)	*Vật liệu kiểm soát mức thấp xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT) Hộp: 3x2ml Tương thích và chạy ổn định trên máy xét nghiệm miễn dịch.	Lọ	3
21	PCT Control (H)	*Vật liệu kiểm soát mức cao xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT) Hộp: 3x2ml Tương thích và chạy ổn định trên máy xét nghiệm miễn dịch	Lọ	3
22	Free Triiodothyronine (CLIA)	Hóa chất xét nghiệm định lượng free triiodothyronine (FT3) trong huyết thanh người. - Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh - Dải báo cáo: 0,88-30 pg/mL - Thành phần: + Ra: vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm HEPES có chất bảo quản + Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T3-alkaline phosphatase trong đệm MES có chất bảo quản. + Rc: T3 gắn Biotin trong đệm PBS có chất bảo quản + Rd: Đệm MES với chất bảo quản Hộp: 2x50 test	Test	500
23	Free T3 Calibrators	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free triiodothyronine (FT3) - Thành phần: FT3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ Hộp: 3x2ml	Lọ	3

STT	Tên hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
24	Free Thyroxine (CLIA)	Hóa chất xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. - Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh - Dải báo cáo: 0,3-6,0 ng/dL - Thành phần: + Ra: vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm TRIS cùng chất bảo quản. + Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T4 - alkaline phosphatase trong đệm MES cùng chất bảo quản. + Rc: T4 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản. Hộp: 2x50 test Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL	Test	500
25	Free T4 Calibrators	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) - Thành phần: FT4 tổng hợp ở 3 mức nồng độ Hộp: 3x2ml	Lọ	3
26	Thyroid-Stimulating Hormone (CLIA)	Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) trong huyết thanh người. - Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điễm - Dải báo cáo: 0,005-100 μ IU/mL - Thành phần: + Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TSH trong đệm MES với chất bảo quản. + Rb: Liên hợp kháng thể kháng TSH - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản Hộp: 2x50 test Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL	Test	500
27	TSH Calibrators	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) - Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: TSH ở 2 mức nồng độ. Hộp: 3x2ml	Lọ	3
28	Hóa chất định lượng D-dimer	Hóa chất xét nghiệm định lượng D-dimer gồm khay và cốc thử, cốc thử nhựa chứa các hạt từ tính được làm đông khô, bọc bởi kháng thể đơn dòng của chuột kháng D-dimer và 100 μ L kháng thể đơn dòng chuột chống D-dimer gắn với phosphatase kiềm bò có sodium azide như chất bảo quản. Hộp 100 Test	Test	1.000

STT	Tên hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
29	Syphilis Rapid Test Strip (Serum/Plasma/Whole Blood)	Que thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch kỹ thuật màng, định tính phát hiện các kháng thể (IgG và IgM) kháng Treponema Pallidum (TP) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. - Độ nhạy tương quan: >99,9% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,3% - Độ chính xác tương quan: 99,6% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Ống chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Đọc kết quả ở phút thứ 10 Phân loại TTBYT: D	Test	200
30	Hóa chất định lượng Troponin I	Thuốc thử xét nghiệm Troponin I, định lượng troponin I trong huyết thanh, huyết tương kháng đông heparin hoặc EDTA	Test	600
31	Antibody to Hepatitis B Surface Antigen	Hóa chất xét nghiệm định lượng Anti-HBs trong huyết thanh hoặc huyết tương người .Hộp: 2x50 test. Chạy ổn định trên máy phân tích miễn dịch hóa phát quang Mindray seri CL	Test	200
32	Anti-HBs Calibrators	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Anti-HBs Hộp: 3x2ml	Lọ	3
33	Que thử phân tích nước tiểu 11 thông số (Mission Urinalysis Reagent Strips-11 parameters) (Hộp 100 test)	Hộp/100 test; Các thông số: Leukocytes (LEU), Nitrate (NIT), Urobilinogen (UBG), Billirubin (BIL), Protein (Pro), Chỉ số pH, Blood (BLD), Specific Gravity (SG), Ketone (KET), Glucose (Glu), ASC (Ascorbic Acid)	Test	3.000
34	Giấy in nhiệt	Kích thước 57mm x 20m	Cuộn	100
35	Hóa chất định lượng β HCG II	Hóa chất xét nghiệm định lượng β HCG II gồm khay và cốc thử, Cốc nhựa chứa các hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng β HCG II và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng β HCG II được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide Hộp 100 Test	Test	100
36	Measure ALT	Hóa chất xét nghiệm Định lượng ALT/GPT; phương pháp đo JSCC; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 3~1,000 U/L; Thành phần thuốc thử R1: L-alanine; NADH; LDH R2: L-alanine; α -ketoglutaric acid; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL)/ Hộp 5 bộ	Bộ	10

STT	Tên hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
37	Measure AST	Hóa chất xét nghiệm Định lượng AST/GOT; phương pháp đo JSCC; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 5~1000 U/L; Thành phần thuốc thử R1: L-Aspartic acid; NADH; malate dehydrogenase (MDH) R2: L-Aspartic acid; α -ketoglutaric acid; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL)/ Hộp 5 bộ	Bộ	10
38	Measure CRE	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Creatinine (Enzymatic); phương pháp đo SOD/POD; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 8.84 - 8840 μ mol/L. ; Thành phần thuốc thử R1: Creatinase, Sarcosine oxidase, (SROD)N-ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3-methylaniline sodium salt (TOOS) R2: Creatininase (CRN), Peroxidase (POD), 4-Aminoantipyrine (4-AA); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL)/ Hộp 5 bộ	Bộ	10
39	Measure GLU HK	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Glucose (Hexokinase); phương pháp đo HK/G6D-PH Method; Hạn sử dụng 12 tháng; dải đo 0.02 - 66.6 mmol/L; Thành phần thuốc thử Thuốc thử 1: nicotinamide adenine dinucleotide phosphate (NADP), Adenosine Triphosphate (ATP) Thuốc thử R-2: Magnesium Sulfate (MgSO ₄), Hexokinase (HK), Glucose-6-phosphate dehydrogenase (G6PDH); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60mL + 5x20mL)/ Hộp 5 bộ	Bộ	10
40	Measure TC	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Cholesterol; phương pháp đo CHOD/POD; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 0.08 - 20.72 mmol/L; Thành phần thuốc thử R1: Cholesterol esterase (CHER); Peroxidase; N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline sodium salt (HDAOS); Ascorbate Oxidase R2: Cholesterol oxidase (CHOD); Peroxidase; 4-Aminoantipyrine (4-AA); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL)/ Hộp 5 bộ	Bộ	5
41	Measure TG (T)	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Triglycerides ; phương pháp đo GK/GPO/POD; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 0.1 - 11.3 mmol/L; Thành phần thuốc thử R1: LPL, POD, AOD, TOOS, N-ethyl-N-(2- hydroxy-3-sulfopropyl)-3- methylaniline sodium; Adenosine-5'-Triphosphate, Disodium (ATP 2Na); Glycerol Kinase (GK) R2: GPO; Peroxidase (POD); 4- Aminoantipyrine (4-AA); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL)/ Hộp 5 bộ	Bộ	5

STT	Tên hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
42	Measure UA	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Acid uric; phương pháp đo Uricase/POD; Hạn sử dụng 24 tháng; dải đo 5.95 - 5950 $\mu\text{mol/L}$; Thành phần thuốc thử R1: N-(2—hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5- dimethylanilin sodium (HDAOS); Ascorbate oxidase (AOD); Peroxidase R2: Uricase; Peroxidase (POD); 4-Aminoantipyrine (4-AA); Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Quy cách đóng gói: (5x60 mL+5x20 mL)/ Hộp 5 bộ	Bộ	5
43	MEASURE AMYG7	Hóa chất xét nghiệm Định lượng AMYLASE; phương pháp đo G7CNP IFCC; Hạn sử dụng 18 tháng; dải đo 2 ~ 2000 U/L; Thành phần thuốc thử R1: α -glucosidase R2: ethylidene-4-nitrophenol-G7 (maltoheptaose) ethylidene-G7 (maltoheptaose)-PNP; Tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485:2016, Hộp: (1x60 mL+1x12 mL)	Hộp	1
44	Calcium Liquid	Hóa chất xét nghiệm Định lượng Calcium; phương pháp Cresolphthalein Complexone (CPC); dải đo 0.10 - 20.0 mg/dL; thành phần thuốc thử REAGENT 1: 2-aminoethanol buffer (MEA) 1.0 mol/L pH >10.0; REAGENT 2:hydrochloric acid 0.12 mol/L pH < 2.5, cresolphthalein complexone 0.3 mmol/L, 8-hydroxy-quinoline > 10 mmol/L	Hộp	1
45	MEASURE Multi Calibrator	Chất dùng tạo đường chuẩn cho các xét nghiệm thường quy: Đường (Glucose), Gan (AST; ALT; GGT); Thận (Urea, Creatinine), Nội tiết (Amylase); Tim mạch (CK-MB); Tổn thương tế bào (CK;LDH); Mật (Bile Acid); Trao đổi chất (Protein; ALB; Acid Uric);. Được điều chế từ huyết thanh người ổn định và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, L ₀ ≥ (1x5 mL)	Lọ	1
46	MEASURE Human Lyo L-1	Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn mức 1 được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ(bao gồm HDL/LDL/TG/TC), CK/CKMB; chất vi lượng (Calcium, Sắt, Liti, Magie, Phospho, Na, Kẽm, Clo, Đồng, Kali;..); Bộ gan mật (AST; ALT; LDH; GGT; ALP; Direct Bilirubin; Total Bilirubin); thận (URE; Creatinine); Amylase (Total. Tụy); Total Protein; Albumin; TBA; UIBC và một số theo dõi thuốc như Digoxin, Theophylline, L ₀ ≥ (1x5mL)	Lọ	1
47	MEASURE Human Lyo L-2	Huyết thanh mẫu dùng làm nội kiểm chuẩn mức 2 được điều chế từ huyết thanh người ổn định hóa và đông khô. Có giá trị đo cho các xét nghiệm hóa sinh so màu, bộ mỡ(bao gồm HDL/LDL/TG/TC), CK/CKMB; chất vi lượng (Calcium, Sắt, Liti, Magie, Phospho, Na, Kẽm, Clo, Đồng, Kali;..); Bộ gan mật (AST; ALT; LDH; GGT; ALP; Direct Bilirubin; Total Bilirubin); thận (URE; Creatinine); Amylase (Total. Tụy); Total Protein; Albumin; TBA; UIBC và một số theo dõi thuốc như Digoxin, Theophylline, L ₀ ≥ (1x5mL)	Lọ	1

STT	Tên hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
48	Hóa chất định lượng β HCG II	Hóa chất xét nghiệm định lượng β HCG II gồm khay và cốc thử, Cốc nhựa chứa các hạt từ tính đông khô gắn với kháng thể đơn dòng của chuột kháng β HCG II và 100 μ L kháng thể đơn dòng của chuột kháng β HCG II được tổng hợp với alkaline phosphatase của bò, chất bảo quản sodium azide Hộp 100 Test	Test	100
49	Điện cực K	Điện cực Kali sử dụng cho máy điện giải Hộp 1 cái	Cái	2
50	Điện cực Na	Điện cực Natri sử dụng cho máy điện giải Hộp 1 cái	Cái	2
51	Điện cực Cl	Điện cực Clo sử dụng cho máy điện giải Hộp 1 cái	Cái	2
52	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu sử dụng cho máy điện giải. Hộp 1 cái	Cái	2
53	Điện cực Ca	Điện cực Calci sử dụng cho máy điện giải. Hộp 1 cái	Cái	2
54	Test thử xét nghiệm nhanh virus viêm gan HBsAb	Test HBsAb định tính phát hiện kháng thể kháng vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương người.	Test	100
55	Hóa chất định lượng APTT	Bộ gồm: 01 lọ 5ml + 01 lọ 5ml. Thành phần: Hóa chất định lượng APTT lọ 5ml : Calci clorid 0,025M	Bộ	30
56	Hóa chất định lượng PT	Lọ: 4 ml. Thành phần: Manganese C \geq 25%; Sodium Azide C \geq 0,1%	Bộ	60
57	Hóa chất kiểm chứng TEClot	Hộp 10 x 1ml	Lọ	10
58	Test xét nghiệm kháng thể Anti - streptolysin O	Xét nghiệm phiến ngưng kết latex nhanh để xác định định tính và bán định lượng in vitro của các bệnh liên cầu khuẩn. Thuốc thử latex được phủ bằng streptolysin-O. Protein Streptolysin O (3- 6%); hạt Polystyrene (2,5%).	Test	100
59	Môi Trường Nuôi Cây Máu 2 Pha- BHI	Thành phần là môi trường là BHI agar và pha lỏng BHI broth và SPS. Lọ 50ml	Lọ	50
60	Thuốc nhuộm Gram	Thành phần gồm: Crysyl Violet 100ml/chai, Lugol 100 ml/chai, Alcohol 95% 100ml/chai, Safranin 100ml/chai. Bộ 4 chai	Bộ	5
61	Túi đựng máu	Chất liệu: Nhựa dùng trong y tế . Dung tích 250 ml	Cái	20
62	Cân đồng hồ	Mặt cân dạng kim đồng hồ, tấm lót và mặt kính bằng nhựa ABS cao cấp, độ chính xác cao, phù hợp cho mọi lứa tuổi. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	10
63	Ống thông Foley 2 nhánh	* Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon * Số 14 * Tiệt trùng. Gói/1cái. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO/CE.	Cái	20
64	Băng vải huyết áp (người lớn)	Bao vải + ruột huyết áp người lớn	Cái	50

STT	Tên hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
65	Dây garo	Dây garo có khóa, chất liệu thun cotton tổng hợp.	Cái	100
66	Đai Desault	Chất liệu vải cotton, vải tricot, vải có lỗ thoáng khí. Các cỡ (size): 1-9. Bì 1 cái	Cái	50
67	Áo nẹp cột sống thắt lưng	Phần thân áo được làm từ vải cotton/polyester, mút xốp, vải có lỗ thoáng khí, khóa Velcro. Hệ thống thanh nẹp bao gồm 4 thanh nẹp làm từ chất liệu hợp kim nhôm được anod hóa bề mặt, có độ cứng đảm bảo tính cố định, được uốn theo đường cong cơ thể, có tính đàn hồi và phân bố phù hợp theo tư thế điều trị. Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L, XL. Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA hoặc tương đương.	Cái	50
68	Lưỡi dao mổ	Số 11, nhọn	Cái	100
69	Nhiệt kế	Dùng để đo nhiệt độ cơ thể. Khoảng đo: từ 35 độ C - 42 độ C. Vạch chia độ rõ nét, dễ quan sát.	Cái	100
Tổng cộng: 69 khoản				